TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:**239**/2025/QĐST- HNGĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải tại Toà án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05/9/2025, b iên bản ghi lời khai ngày 15/9/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/TLST- HNGĐ ngày 04/9/2025.

Căn cứ Phiếu kết quả phân tích ADN mã số KQ2503257 ngày 22/9/2025 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền (GENTIS).

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 05/9/2025, Biên bản ghi lời khai ngày 15/9/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hà P**, sinh năm 1984; Căn cước số 001184049150 do Bộ công an cấp ngày 24/8/2024; HKTT và nơi ở: C1702 TTTM VPCT 158 NS, BD, HN.

- Bị đơn: Anh **Lê Anh H**, sinh năm 1984; CCCD số 001084072755 do Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2024; HKTT: C1702 TTTM VPCT 158 NS, BD, HN; Nơi ở: C603 TTTM VPCT 158 NS, BD, HN;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Nopkamol B**; sinh năm 1995; Quốc tịch: Thái Lan; Số hộ chiếu: AC3077467; Nơi ở: C1702 TTTM VPCT 158 NS, BD, HN;

+ Cháu **Nguyễn B**, sinh ngày 01/08/2025; Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị Hà P (mẹ đẻ)

- Người phiên dịch: Ông **Nguyễn Tuấn Hiệp**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Phường Phúc Lợi, Hà Nội; Trình độ: Thạc sĩ Luật, Trường đại học Birmingham City, Vương quốc Anh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định cháu Nguyễn B - sinh ngày 01/08/2025 không phải là con đẻ của anh Lê Anh H. Xác định anh Nopkamol B là cha đẻ của cháu Nguyễn B.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khai sinh, đăng ký hộ tịch cho cháu Nguyễn B theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Các bên đương sự được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 – Hà Nội;
- Cơ quan đăng ký hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thị Tường Nga

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....(3) ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	

Hướng dẫn sử dung mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự

theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **130**/2024/QĐST- HNGĐ	*Long Biên, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội, thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp về xác định cha cho con" giữa:

***** Nguyờn đơn: Chị **Đàm Thị Kim Dung**, sinh năm 1976; HKTT: Tổ 4, phường Phỳc Đồng, quận Long Biờn, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 5 ngỏch 29/29 phố Chu Huy Mõn, phường Phỳc Đồng, quận Long Biờn, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Bắc**, sinh năm 1976; HKTT: P8-C4 TT X20, Tổ 64, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuõn, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 29 Trần Điền, phường Khương Mai, quận Thanh Xuõn, thành phố Hà Nội.

* Người cú quyền lợi, nghĩa vụ liờn quan:

- Chỏu **Đào Đăng Khoa**, sinh ngày 24/6/2018; Tờn dự sinh: **Đàm Đăng Khoa** (Theo Giấy chứng sinh số 0014725, quyển số: 0148 ngày 24/6/2018 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội); Đại diện theo phỏp luật: Chị Đàm Thị Kim Dung (mẹ đẻ);

- Anh **Đào Văn Ngọc**, sinh năm 1971; HKTT và nơi ở: (Số 5 ngừ 168 phố Ngọc Trỡ) Tổ 7, Thạch Bàn, quận Long Biờn, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 150; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 88, khoản 1 Điều 89; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

XÉT THẤY

Căn cứ Giấy chứng sinh số 00088, quyển số: 72/20 ngày 09/6/2020 tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương;

Căn cứ vào Kết quả xét nghiệm ADN mã số 052502 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Trung tâm Phân tích ADN và Công nghệ Di truyền;

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác nhận anh Trần Anh Vũ là cha đẻ của cháu Trần Vũ Kiên (tên dự sinh), sinh ngày: 09/6/2020 (Theo Giấy chứng sinh số 00088, quyển số: 72/20 ngày 09/6/2020 tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương).

Anh Trần Anh Vũ và chị Nguyễn Thu Phương có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho cháu Trần Vũ Kiên (tên dự sinh), sinh ngày: 09/6/2020 theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Các bên đương sự được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự quận Long Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Long